

Số: 110/QĐ-THPTPVN

Yên Cường, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung giao dự toán NSNN năm 2025 của trường THPT Phạm Văn Nghị

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1833/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở giáo dục đào tạo về việc giao bổ sung dự toán NSNN năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung giao dự toán NSNN năm 2025 của trường THPT Phạm Văn Nghị (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận tài vụ và cán bộ công nhân viên chức tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hà Trung

Đơn vị: Trường THPT Phạm Văn Nghị

Chương trình 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Quyết định số 110/QĐ-THPTPVN ngày 29/12/2025 của trường THPT Phạm Văn Nghị)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	837.760
I	Nguồn ngân sách trong nước	837.760
1	Chi quản lý hành chính	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	837.760
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	837.760
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	



Số: 1833/QĐ-SGDĐT

Ninh Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ, giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và cấp bù chi hoạt động năm 2025 cho Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2025 cho Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí năm 2025 và cấp bù chi phí hoạt động năm 2025 cho Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, số tiền 97.819.150.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ, tám trăm mười chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) để thực hiện chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí năm học 2025-2026 và cấp bù chi hoạt động

năm 2025 cho Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm, chi tiết số liệu theo biểu số 48 và 49 đính kèm.

Điều 2. Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát số liệu, xác định và đề nghị thu hồi về ngân sách nhà nước số kinh phí chi thường xuyên năm 2025 đã được bố trí cao hơn thực tế (do số thu học phí để cân đối, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của đơn vị thực tế thu được năm 2025 cao hơn số thu học phí để cân đối, đảm bảo chi hoạt động thường xuyên xác định tại thời điểm xây dựng dự toán) đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2026 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính. Căn cứ vào dự toán được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực V;
- Các phòng giao dịch KBNN khu vực V;
- PGD: Ngô Quang Tuệ;
- Lưu: VT, TC;

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng



Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Chương: 422

Biểu số 48

PHIẾU BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Trường THPT Phạm Văn Nghị

Mã số (ĐVSDNSNN):

1013691

Mã KBNN nơi giao dịch:

1322

(Kèm theo quyết định từ số 1833/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	C
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	837.760
1	Thu sự nghiệp	0
	- Học phí	
	- Thu dịch vụ khác	
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (Loại 070-074)	837.760
	- Kinh phí giao tự chủ	
	- Kinh phí giao không tự chủ (thực hiện chính sách an sinh xã hội: hỗ trợ học sinh, học viên đóng học phí)	837.760